

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung như sau:

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Thời gian qua, các cấp ủy, chính quyền luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đầy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là tận dụng và khai thác có hiệu quả những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Toàn tỉnh hiện có 1.133 trạm BTS phát sóng di động 3G/4G, 100% xã, phường, thị trấn có mạng truyền dẫn cáp quang và có dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng; có khoảng 54,7% dân số có điện thoại thông minh. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được triển khai đồng bộ, liên thông đến cấp xã. Trung tâm dữ liệu của tỉnh được đầu tư, đáp ứng yêu cầu ứng dụng tập trung, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, tổ chức. Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng, hệ thống quản lý văn bản và điều hành được triển khai đồng bộ, liên thông 4 cấp gắn với sử dụng hộp thư điện tử công vụ, chữ ký số chuyên dùng và đều được triển khai trên mô hình điện toán đám mây. Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được triển khai đồng bộ và kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 (với 1.057 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, chiếm tỷ lệ 56,89%); sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh hoạt động ổn định phục vụ người dân và doanh nghiệp; tình hình an toàn thông tin mạng được bảo đảm, tỉnh Trà Vinh nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố xếp loại B về an toàn thông tin trên cả nước; nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp về vị trí, vai trò của công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn thông tin có nhiều chuyển biến tích cực. Chỉ số xếp hạng về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (ICT-Index) năm 2020 trong các cơ quan Nhà nước xếp thứ 40/63 tỉnh, thành phố, trong các cơ quan Đảng xếp thứ 05/63 tỉnh ủy, thành ủy. Chỉ số xếp hạng về chuyển đổi số (DTI) năm 2020 xếp thứ 34/63 tỉnh, thành phố⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trong đó, chính quyền số xếp hạng 27/63; kinh tế số xếp hạng 32/63; xã hội số xếp hạng 36/63.

Tuy nhiên, việc ứng dụng và triển khai chuyển đổi số vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xu thế, trọng tâm là lĩnh vực chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Chưa phát huy tốt năng lực của công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa một số đơn vị, địa phương; tỷ lệ dịch vụ công được cung cấp bằng hình thức trực tuyến chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng; tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước bằng hình thức trực tuyến còn ít. Thứ hạng chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh còn nhiều tiêu chí thành phần chưa đạt điểm hoặc điểm số đạt còn thấp; kinh tế số chưa phát triển; doanh nghiệp công nghệ số hoạt động trên địa bàn tỉnh chưa nhiều; tỷ lệ doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh thấp (1,42%), việc kinh doanh chủ yếu qua mạng xã hội, chưa tận dụng được thế mạnh của công nghệ số vào hoạt động sản xuất, thương mại; ứng dụng công nghệ thông tin của doanh nghiệp đạt tỷ lệ thấp (5,4% doanh nghiệp có triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, 9,8% doanh nghiệp có tham gia quảng bá sản phẩm qua mạng xã hội). Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh còn ở mức trung bình thấp. Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng còn tiềm ẩn nguy cơ lộ, lọt thông tin. Dữ liệu số cung cấp trong môi trường dùng chung ít, còn hoạt động độc lập, chỉ phục vụ cho các yêu cầu nghiệp vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị và thiếu sự phối hợp, chia sẻ dữ liệu để khai thác, sử dụng...

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến việc thực hiện chuyển đổi số, nhất là người đứng đầu; nhận thức về tầm quan trọng và giá trị của chuyển đổi số ở một số cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp chưa đầy đủ; nguồn kinh phí đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin còn ít; nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho chuyển đổi số còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn lực đầu tư cho ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin còn hạn chế.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến chuyển đổi số; đặc biệt là tập trung triển khai chuyển đổi số trên 03 trụ cột và 08 lĩnh vực ưu tiên theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Chú trọng công tác huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi số; tận dụng tối đa các nguồn lực đầu tư từ ngân sách và xã hội hóa; trong đó, nội lực là chiến lược, cơ bản quyết định; ngoại lực là quan trọng, đột phá.

- Nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị và toàn xã hội trong chuyển đổi số; sự vào cuộc và triển khai đồng bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị, sự tham gia tích cực của tổ chức, doanh nghiệp, người dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số; cán bộ, công chức, viên chức tham gia và thực hiện chuyển đổi số; người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị cần xác định lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương; kế thừa, tận dụng tối đa nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hóa toàn bộ tài sản thông tin, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

- Người dân và doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số; thiết bị di động là phương tiện chính của người dân trong thế giới số. Người dân phải được trang bị kỹ năng, thói quen sử dụng dịch vụ số, hình thành văn hóa số gắn với bảo vệ văn hóa, giá trị đạo đức căn bản của con người và chủ quyền số quốc gia. Ưu tiên chuyển đổi số trước các lĩnh vực có tác động xã hội, liên quan hàng ngày tới người dân, doanh nghiệp. Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả. Dữ liệu số là tài nguyên quan trọng, được chia sẻ một cách tối đa trong các cơ quan nhà nước, liên thông nhiều cơ quan trong thực hiện thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số. Mọi thiết bị, sản phẩm, phần mềm, hệ thống thông tin, dự án đầu tư về công nghệ thông tin đều có cấu phần bắt buộc về an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế.

- Gắn triển khai chuyển đổi số với phát triển các doanh nghiệp công nghệ số và nâng cao năng lực của doanh nghiệp ngành nghề khác. Các doanh nghiệp có thể tham gia quá trình cung cấp dịch vụ công, khai thác hiệu quả dữ liệu mở của cơ quan nhà nước để phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số. Chỉ đạo tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và mô hình nghiệp vụ từ truyền thống sang sử dụng dữ liệu số.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2025: Trà Vinh cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh. Phân đầu chỉ số chuyển đổi số nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; tối thiểu 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa triển khai áp dụng (ít nhất 01) nền tảng số trong hoạt động, sản xuất, kinh doanh.

- Phân đầu đến năm 2030: Hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh; Trà Vinh trở thành tỉnh khá trong cả nước về chuyển đổi số, hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi

số theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; tối thiểu 65% doanh nghiệp nhỏ và vừa triển khai áp dụng (ít nhất 01) nền tảng số trong hoạt động, sản xuất, kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Về xây dựng và phát triển chính quyền số:

+ Tối thiểu 90% hồ sơ công việc cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã (trừ hồ sơ công việc thuộc bí mật nhà nước) được xử lý qua môi trường mạng; 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Đoàn thể (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử có chữ ký số; bảo đảm tỷ lệ tài liệu lưu trữ được số hóa đạt yêu cầu cấp thẩm quyền giao.

+ 100% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết qua Cổng dịch vụ công/hệ thống thông tin Một cửa điện tử; 100% thủ tục hành chính (đủ điều kiện cung cấp theo quy định của pháp luật) được cung cấp trực tuyến mức độ 4, trong đó tối thiểu 70% dịch vụ có hồ sơ nộp trực tuyến; tối thiểu 60% hồ sơ được nộp bằng hình thức trực tuyến/tổng số hồ sơ tiếp nhận. Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ 100% báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội (không bao gồm nội dung mật) phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan nhà nước các cấp được thực hiện qua hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử theo quy định; trên 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ 100% cơ quan, đơn vị hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền; tuân thủ quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

- Phát triển kinh tế số: Kinh tế số chiếm trên 10% GRDP của tỉnh; năng suất lao động tăng bình quân trên 11,5%/năm.

- Phát triển xã hội số:

+ Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% xã, phường, thị trấn và trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; tối thiểu 80% người dân trong độ tuổi lao động có điện thoại thông minh.

+ Trên 50% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử.

2.2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Phát triển chính quyền số: 100% hồ sơ công việc tại tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước). 100% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 4, đáp ứng nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tối thiểu 30% trên tổng số thủ tục hành chính toàn tỉnh. 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phát triển kinh tế số: Kinh tế số chiếm trên 25% GRDP của tỉnh; năng suất lao động tăng bình quân duy trì mức 11,5%/năm.

- Phát triển xã hội số: Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, dịch vụ mạng di động 5G. Trên 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Tập trung phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, người dân và doanh nghiệp về chức năng, vai trò và tính cấp thiết của chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đặc biệt là thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tổ chức hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội phối hợp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số.

- Mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn một đơn vị cấp xã để triển khai thí điểm chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính, công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân như: Mua bán trực tuyến; thanh toán trực tuyến; sử dụng dịch vụ công trực tuyến...

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách

- Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo về doanh nghiệp, khởi nghiệp, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.

- Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin của chính quyền số; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong đổi mới lề lối, phương thức làm việc; trách nhiệm thu thập, thiết lập, vận hành, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực.

- Thực hiện tốt chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp ưu tiên sử dụng các dịch vụ, tiện ích chính quyền số.

1.3. Phát triển hạ tầng số

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện điểm chỉ số hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin nêu tại Chương trình số 15-CTr/TU, ngày 31/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nâng cao chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.

- Xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh, bắt đầu từ trung tâm các đô thị, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, các trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp; tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

1.4. Phát triển dữ liệu

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm yêu cầu kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo quy định pháp luật, nhất là hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia gồm: Y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp.

- Xây dựng, phát triển kho dữ liệu dùng chung của tỉnh kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, ứng dụng chuyên môn, nghiệp vụ; mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Xây dựng và phát triển các công cụ khai thác kho dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; hoạt động quản lý, phân tích, dự báo của cơ quan, tổ chức nhà nước; giao tiếp trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước trên các lĩnh vực. Ưu tiên xây dựng công cụ phục vụ

tra cứu thông tin về thủ tục hành chính; phản ánh hiện trường; thông tin doanh nghiệp; thông tin kinh tế - xã hội.

1.5. Phát triển nền tảng số

- Kết nối, sử dụng hiệu quả các nền tảng số quy mô quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, Ngành có liên quan.

- Đẩy mạnh triển khai các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số; ưu tiên hoàn thành trước các nền tảng gồm: Nền tảng tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); nền tảng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt; nền tảng định danh và xác thực điện tử; nền tảng đăng nhập một lần; nền tảng bản đồ số; các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia như: Y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp.

- Xây dựng nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho mọi dịch vụ chính quyền số, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số.

1.6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng và phát triển trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC) bảo đảm năng lực phục vụ công tác giám sát, điều hành, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối thông suốt đến Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, nhất là xác định cấp độ an toàn thông tin và thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình bốn lớp (kiện toàn lực lượng tại chỗ; thuê lực lượng giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ kiểm tra, đánh giá; kết nối đến Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia). Phấn đấu Trà Vinh thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng.

- Tổ chức lực lượng tham gia mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tham gia các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối, phát động.

1.7. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

- Nghiên cứu, chuyển giao, triển khai các công nghệ mới, kết nối chuỗi tri thức từ nghiên cứu, phát triển đến thương mại; tăng tỷ lệ đầu tư công cho các dự án công nghệ; nghiên cứu, xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới để tiên phong thử nghiệm công nghệ mới nhất, mô hình mới nhất trên thế giới.

- Nghiên cứu thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo thuộc Trường Đại học Trà Vinh; khuyến khích các doanh nghiệp thành lập trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

1.8. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Có kế hoạch triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước; phổ cập kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp.

- Nghiên cứu đưa nội dung bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình đào tạo các cấp học.

2. Phát triển chính quyền số

- Triển khai ứng dụng toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả công nghệ số hỗ trợ giải quyết công việc chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý ngành, lĩnh vực, nhất là hỗ trợ thực hiện công tác văn thư; số hóa, lưu trữ tài liệu điện tử; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện chế độ báo cáo; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015; hợp trực tuyến, hợp không giấy...

- Rà soát chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ hành chính bảo đảm tích hợp, cung cấp tối đa dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh; đồng thời xây dựng hệ thống kho quản lý dữ liệu của tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Phát triển Trung tâm điều hành thông minh (IOC) đáp ứng yêu cầu tổng hợp, phân tích, cung cấp thông tin, dịch vụ theo thời gian thực giúp lãnh đạo các cấp giám sát, điều hành, ra quyết định và quản lý chất lượng hoạt động.

- Đẩy mạnh triển khai các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện của tỉnh, tuân thủ Khung tham chiếu ICT, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh; bảo đảm gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ của chính quyền số; ưu tiên triển khai thí điểm tại thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải các dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh làm cơ sở đánh giá, nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển kinh tế số

- Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho các chủ doanh nghiệp, thúc đẩy từng bước thay đổi quy trình, chú trọng đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại phục vụ sản

xuất, kinh doanh; tăng cường giới thiệu, chia sẻ các bài học kinh nghiệm của doanh nghiệp khi chuyển đổi sang kinh tế số; phổ biến các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh và phát triển bền vững; hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về địa chỉ bưu chính; xây dựng bản đồ số; triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số; hỗ trợ quảng bá, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số.

- Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big data) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo các cấp, các ngành điều hành kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển xã hội số

- Tăng cường công tác hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân. Thực hiện việc phủ rộng điện thoại thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển và cung cấp các dịch vụ tương tác trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức nhà nước trên nền tảng web và trên điện thoại thông minh; ưu tiên triển khai trước các dịch vụ trên các lĩnh vực tác động thường xuyên đến đời sống xã hội, doanh nghiệp và người dân như: Y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp, an sinh xã hội; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; phản ánh kiến nghị; tham gia giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số phục vụ công tác tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin đến người dân, doanh nghiệp.

5. Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực

5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế

- Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt... hình thành các bệnh viện thông minh; xây dựng và phát triển nền tảng quản trị y tế thông minh tích hợp thông tin, dữ liệu, hoàn thiện cơ sở dữ liệu y tế của tỉnh.

- Triển khai ứng dụng nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa, bảo đảm tất cả các cơ sở y tế có bộ phận khám, chữa bệnh từ xa.

- Bảo đảm mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân; hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị.

5.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục

- Ứng dụng nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- Các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

5.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

- Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, kho bạc.

- Các ngân hàng thương mại đẩy mạnh cung cấp dịch vụ ngân hàng số đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ.

5.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp

- Bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp 4.0 theo Kế hoạch số 169-KH/TU, ngày 27/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng nền nông nghiệp của tỉnh cơ bản chuyển đổi đạt tiêu chí ngành công nghệ cao, chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu của ngành như về cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết... giúp người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

- Thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số” với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

- Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như: Dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

5.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và logistics

- Phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, quốc lộ. Chuyển đổi các hạ tầng logistics (như: Cảng biển, cảng thủy nội địa, kho vận...).

- Phát triển các nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng để phát triển thành một hệ thống một cửa, cho phép chủ hàng có thể tìm ra phương tiện tối ưu để vận chuyển hàng hóa và các kho bãi chính xác cũng như hỗ trợ việc đóng gói và hỗ trợ đăng ký, hoàn thiện các quá trình xử lý các văn bản hành chính liên quan.

- Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện, cho phép quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số.

5.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, trong đó ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả.

- Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.

5.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý toàn diện, hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo đảm yêu cầu kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là cơ sở dữ liệu đất đai, các cơ sở dữ liệu về lĩnh vực khác (nền địa lý quốc gia, quan trắc tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học, nguồn thải, viễn thám, biển đảo, biến đổi khí hậu, khí tượng - thủy văn, địa chất - khoáng sản...).

- Xây dựng bản đồ số mở làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phát triển kinh tế - xã hội; triển khai các giải pháp thông minh trong quản trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

5.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: Xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

5.9. Chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực khác theo hướng dẫn của Bộ, Ngành Trung ương, phù hợp với điều kiện của tỉnh.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết này phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện; huy động tối đa các nguồn lực của địa phương, cân đối bảo đảm kinh phí triển khai phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn; định kỳ sơ, tổng kết, báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm, chỉ đạo.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các cơ quan thông tin đại chúng xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Nghị quyết này đến các tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Nơi nhận:

- BCSD Bộ Thông tin và Truyền thông,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, hội đặc thù tỉnh,
- Các đồng chí UVBCH Đảng bộ tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

Kim Ngọc Thái